HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2014/NQ-HĐND	*Thái Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2014*

NGHỊ QUYẾT
về việc phê duyệt chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số: 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp phụ trợ ưu tiên phát triển;

Sau khi xem xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 68/BC-KTNS ngày 6 tháng 9 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chính sách khuyến khích đầu tư một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020, với nội dung như sau:

1. Quy định chung

a) Các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh Thái Bình được hưởng các chính sách ưu đãi về tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, các ưu đãi khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của tỉnh theo Quy định này.

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư, khi dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung, tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước.

2. Các lĩnh vực khuyến khích đầu tư của tỉnh

a) Các dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp có tổng vốn đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên (không tính vốn lưu động), bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp, ngư nghiệp; máy chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm.

- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, bao gồm các linh kiện, chi tiết, thiết bị phục vụ cho việc lắp ráp sản phẩm ngành cơ khí chế tạo, ngành điện tử - tin học, ngành sản xuất lắp ráp ô tô và công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao (theo Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ).

- Dự án đầu tư phát triển công nghệ cao và dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế.

b) Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

c) Đầu tư sản xuất hàng thủ công, sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.

d) Đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản thực phẩm; chợ hạng 1; siêu thị hạng 1, hạng 2; trung tâm thương mại hạng 1, hạng 2, hạng 3 đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

e) Đầu tư xây dựng khu du lịch với các loại hình sinh thái, lịch sử, nghỉ dưỡng theo quy hoạch của tỉnh và đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước.

(Đối với các dự án mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao, nộp ngân sách lớn, thân thiện với môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chính sách khuyến khích đầu tư riêng).

3. Ưu đãi về đất đai

a) Đơn giá thuê đất:

- Các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn các huyện Thái Thụy và Tiền Hải (bao gồm cả trong và ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch) hoặc thuộc các lĩnh vực khuyến khích đầu tư nêu tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều 1: Đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 0,8% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- Các dự án đầu tư tại các khu vực khác trên địa bàn tỉnh:

+ Trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch: Đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 1,0% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

+ Ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch: Đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 1,5% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Riêng dự án đầu tư kinh doanh thương mại, dịch vụ đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 2% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm của làng nghề truyền thống tại khu vực nông thôn đơn giá thuê đất hàng năm tính bằng 0,5% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Thời hạn ổn định và điều chỉnh đơn giá thuê đất:

Thời hạn ổn định đơn giá thuê đất của mỗi dự án là 05 năm đối với trường hợp thuê đất không qua đấu giá quyền sử dụng đất và là 10 năm đối với trường hợp thuê đất qua đấu giá quyền sử dụng đất thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thuê. Hết thời hạn ổn định, đơn giá thuê đất được xác định trên mặt bằng giá mới tại thời điểm quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phương thức nộp tiền thuê đất: Nhà đầu tư được lựa chọn một trong hai phương án: Thuê đất trả tiền hàng năm hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê đất.

4. Hạ tầng kỹ thuật

a) Ngân sách cấp tỉnh đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (gồm: Hệ thống thoát nước đã qua xử lý và đường giao thông) đến chân hàng rào khu công nghiệp, khu du lịch, thương mại.

b) Hỗ trợ san lấp mặt bằng:

- Các dự án được tỉnh hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng với mức là 35.000 đồng/m^2 trên tổng diện tích thực hiện san lấp (trừ các dự án quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 1); trường hợp đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mà nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đã hoàn thành việc san lấp

mặt bằng và đã được hưởng chính sách hỗ trợ san lấp mặt bằng thì nhà đầu tư thứ cấp không được hưởng chính sách ưu đãi này.

- Riêng đối với các dự án đầu tư phát triển công nghệ cao và dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao (theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ), dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp được tỉnh hỗ trợ kinh phí san lấp mặt bằng 70.000 đồng/m^2 trên tổng diện tích thực hiện san lấp. Trường hợp các dự án này đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mà nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đã hoàn thành việc san lấp mặt bằng và đã được hưởng chính sách hỗ trợ san lấp mặt bằng thì sẽ được hưởng chính sách ưu đãi này với mức là 35.000 đồng/m^2.

5. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

Dự án có yêu cầu sử dụng lao động phải qua đào tạo (lao động được cấp chứng chỉ đào tạo), tuyển dụng lao động là người có hộ khẩu thường trú tại Thái Bình được Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ: kinh phí đào tạo nghề ngắn hạn (sơ cấp nghề, học nghề dưới 3 tháng) từ ngân sách địa phương, mức hỗ trợ đào tạo nghề không quá 600.000 đồng/người/tháng nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng /người/khóa học, mỗi vị trí lao động chỉ được hỗ trợ một lần. Kinh phí này được hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng lao động khi có đủ hồ sơ, chứng từ liên quan theo hướng dẫn của cơ quan chức năng và bản cam kết sử dụng số lao động này từ 12 tháng trở lên của doanh nghiệp.

6. Hỗ trợ chi phí đổi mới khoa học công nghệ.

- Các dự án thực hiện đổi mới công nghệ (giảm tiêu hao năng lượng, hạ giá thành sản phẩm, giảm lao động nâng cao năng lực cạnh tranh và thân thiện môi trường) được hỗ trợ 10% kinh phí đổi mới công nghệ thông qua hợp đồng, tối đa không quá 1,5 tỷ đồng.

- Áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP, SA, IEC, GMP...): Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/lần.

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm hàng hóa đặc sản và hàng hóa xuất khẩu: 30 triệu đồng/sản phẩm.

- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu quốc tế: 50% chi phí, tối đa không quá 20 triệu đồng/nhãn hiệu.

7. Hỗ trợ đối với các dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

a) Các dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc hạng mục trạm xử lý nước thải tập trung của dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp

triển khai xây dựng từ năm 2014, ngoài các ưu đãi quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Điều này còn được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% chi phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải nhưng tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp dưới 20ha, không quá 07 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp trên 20ha, không quá 10 tỷ đồng cho một khu công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp dưới 100ha, không quá 15 tỷ đồng cho một khu công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp trên 100ha.

- Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trung và dài hạn của các ngân hàng thương mại cho 50% vốn đầu tư hệ thống xử lý nước thải trong thời hạn 2 năm kể từ ngày vay vốn nhưng tối đa không quá 3 tỷ đồng.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố làm chủ đầu tư, thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tổng vốn đầu tư nhưng tối đa không quá 05 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp dưới 20ha, không quá 07 tỷ đồng cho một cụm công nghiệp có diện tích đất phát triển công nghiệp trên 20ha.

- Phương thức hỗ trợ: Thanh toán theo tiến độ thực hiện trên nguyên tắc: 50% vốn địa phương và 50% vốn tỉnh (không quá định mức hỗ trợ đã được phê duyệt); các huyện, thành phố có thể thỏa thuận với nhà đầu tư thứ cấp về việc ứng trước phí sử dụng hạ tầng để đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung.

8. Hỗ trợ phát triển nghề và làng nghề truyền thống

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất, dịch vụ phát triển nghề và làng nghề truyền thống ở nông thôn ngoài các ưu đãi quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều này còn được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay các ngân hàng thương mại để đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị trong vòng 03 năm đầu kể từ ngày vay vốn. Số vốn vay được hỗ trợ lãi suất không vượt quá số vốn đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị sau khi trừ đi phần vốn tự có của nhà đầu tư nêu trong dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

b) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của cụm công nghiệp làng nghề truyền thống:

- Điều kiện hỗ trợ: Xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp làng nghề để di chuyển các cơ sở sản xuất từ làng nghề truyền thống ra cụm công nghiệp hoặc để mở rộng quy mô làng nghề, sản phẩm làng nghề truyền thống có nhu cầu phát triển sản lượng hoặc để thu hút các cơ sở dịch vụ thu mua, tiêu thụ và nâng cấp chất lượng sản phẩm làng nghề truyền thống.

- Đối tượng hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Nhà đầu tư xây dựng hạ tầng của cụm công nghiệp làng nghề.

- Định mức hỗ trợ: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ không quá 50% tổng mức đầu tư và không quá 10 tỷ đồng cho 01 cụm công nghiệp làng nghề.

- Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề khi hoàn thành.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2014 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên